

Bản án số: 52/2023/DS-PT.

Ngày: 13-7-2023.

V/v Về hợp đồng hợp tác kinh
doanh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mạnh Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Phương Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2022/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1991. Địa chỉ: C L, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Minh P**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam – Là đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 11 năm 2021*).

- Bị đơn: Ông **Lê Phước T**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: 124 T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Người làm chứng:

1) Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Tổ 07, thôn Đ, Điện P1, Đ, Quảng Nam.

2) Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: 54 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2021; bản tự khai ngày 15/4/2022; các văn bản tố tụng khác, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Khoảng năm 2018, ông Nguyễn Thanh H quen biết với ông Lê Phước T. Năm 2019, ông H được ông T giới thiệu và được kết nạp vào H1 tại Quảng Nam. Về sau, ông T có đặt vấn đề với ông H về việc hợp tác làm ăn, bao gồm: Số tiền đóng góp vào Hiệp hội làng nghề H2 và góp tiền sửa chữa xe ô tô BKS 52M – 6685 để trưng bày, triển lãm tại Trung tâm H1 tại H. Ông Nguyễn Thanh H đã đồng ý với đề nghị hợp tác kinh doanh của ông T và đã chuyển cho ông T số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản của ông T mở tại Ngân hàng A – Chi nhánh H3 để ông T thực hiện công việc.

Việc chuyển tiền cụ thể như sau:

Thứ nhất chuyển 20.000.000 đồng vào ngân sách của H1 khu vực M nhằm chuẩn bị cho việc thành lập Trung tâm H2 tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P, thành phố H. Tuy nhiên, việc thành lập Trung tâm H2 tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P, thành phố H không được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố H nên ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng văn phòng đại diện H1 tại khu vực M đã thông báo hoàn trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh H. Lúc này, ông Lê Phước T đã lừa dối ông H và Hiệp hội, khi cho rằng ông H còn nợ tiền khi thi công, cải tạo cảnh quan tại Lô A, phường T nêu trên do cá nhân các thành viên Hiệp hội tự nguyện làm nhưng kinh phí bị thâm hụt nên cần phải chuyển số tiền đó cho ông T để bù trừ các khoản kinh phí bị thâm hụt. Vì tin tưởng ông T nên ngày 19/01/2021 ông H đã nhờ kế toán H1 – khu vực Miền Trung chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản của ông T. Đến khi tổng kết thu chi ông H đã xác minh hồ sơ thu chi do Hiệp hội thống kê thì toàn bộ kinh phí thi công không có khoản thâm hụt nào nên ông H đã yêu cầu ông T chuyển trả lại số tiền này nhưng ông T không đồng ý.

Thứ hai, chuyển 60.000.000 đồng về việc sửa chữa xe ô tô nhãn hiệu Cadillac BKS 52M – 6685 để chạy sự kiện do Hiệp hội tổ chức: Giữa ông H và ông T có thỏa thuận “*Khi anh T mua xe về và tiến hành sửa chữa tại Garage Chiến T2 thì ông H sẽ chuyển số tiền góp sửa chữa và đến tháng 12/2020 là phải hoàn tất việc sửa chữa và đi vào hoạt động*”. Theo đó, ngày 05/10/2020 chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 15/10/2020 chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 30.000.000 đồng.

Đến hết tháng 12/2020 ông H yêu cầu được xem xe đã sửa chữa như đúng điều kiện về thời gian thỏa thuận thì anh T thông báo rằng xe đã sửa chữa xong nhưng chưa vận chuyển về được và ông H đã trực tiếp kiểm tra xe tại Garage xe ô tô Chiến Tài thì xe vẫn trong tình trạng chưa sửa chữa và biết được rằng xe không có giấy tờ hợp pháp.

Vì vậy, ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Phước T phải trả lại số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Tại văn bản trình bày ngày 17/12/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại

phiên toà, bị đơn ông Lê Phước T trình bày:

Khoảng 2019, ông Lê Phước T có quen biết ông Nguyễn Thanh H và chính ông T là người giới thiệu để ông H trở thành Hội viên của H1. Sau đó, ông H tự nguyện góp 60.000.000 đồng vào mục đích sửa chữa xe ô tô cũ (*Xe trưng bày chứ không sử dụng được*) để trưng bày khi có sự kiện do Hiệp hội làng nghề tổ chức dự kiến vào cuối năm 2020 nhưng việc triển lãm, trưng bày không tổ chức được vì lý do Ủy ban nhân dân thành phố H không thống nhất với địa điểm thành lập Trung tâm T5 tại cụm C, thành phố H.

Xe trưng bày sự kiện đã được sửa chữa một phần nhưng vẫn chưa hoàn thiện hiện nay vẫn đang ở tại Xưởng sửa chữa xe ô tô của ông C tại địa chỉ E N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng mà Hiệp hội chuyển cho ông T thông qua sự đồng ý của ông Nguyễn Thanh H là do ông H nợ tiền mua gỗ khi làm trang trí, cải tạo tại địa điểm dự kiến thành lập khu Trưng bày sản phẩm làng nghề Quảng Nam nên đã yêu cầu Hiệp hội chuyển qua tài khoản của ông T nhằm mục đích trả nợ cho ông T. Đối với số tiền 60.000.000 đồng còn lại thì ông Nguyễn Thanh H tự nguyện chuyển cho ông để sửa chữa xe trưng bày nên ông T không đồng ý trả lại.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả 80.000.000 đồng thì ông T không đồng ý với những lý do như đã trình bày trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022, người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Khoảng cuối năm 2020, ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Phước T là thành viên của H1 có mời Hiệp hội làng nghề cùng tham gia tổ chức trưng bày sản phẩm mỹ nghệ tại H nhưng sau đó không thể tổ chức được vì Ủy ban nhân dân thành phố H không cho phép tổ chức.

Trước đó, ông Nguyễn Thanh H là Hội viên của H1 có tự nguyện góp vào cho Hiệp hội số tiền 20.000.000 đồng nhưng thời gian sau ông H có khó khăn nên Hiệp hội làm việc với ông H và thống nhất trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho ông H. Đồng thời, ông Nguyễn Thanh H đề nghị Hiệp hội chuyển số tiền này vào tài khoản của ông Lê Phước T. Hiệp hội có liên hệ với ông T hỏi lý do vì sao mà ông H yêu cầu chuyển số tiền này cho ông T thì ông T nói là ông H có nợ tiền nên ông H mới yêu cầu chuyển qua tài khoản của mình. Hiệp hội liên hệ với ông H về vấn đề này thì ông H vẫn đồng ý chuyển qua tài khoản cho ông T. Vì vậy, ngày 19/01/2021, Hiệp hội đã chuyển vào số tài khoản của ông T số tiền 20.000.000 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2022, người làm chứng ông Phạm Văn C trình bày:

Khoảng năm 2019, ông C và ông T có thỏa thuận miệng về việc ông nhận sửa chữa chiếc xe ô tô BKS 52M – 6685 cho ông Lê Phước T với giá 40.000.000 đồng. Hiện tại ông C đã sửa chữa xong theo như thỏa thuận nhưng ông T chỉ mới thanh toán số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng nên ông chưa bàn giao xe. Hiện, xe ô tô vẫn chưa hoàn chỉnh không thể sử dụng, trưng bày và vẫn

do ông C quản lý tại Garage ô tô Chiến T3.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 116, Điều 129, Điều 131, Điều 407 và Điều 504 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H. Buộc bị đơn ông Lê Phước T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả những khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H về buộc bị đơn ông Lê Phước T phải có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng (*Hai chục triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 20 triệu đồng không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 20 triệu đồng không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H thì thấy:

[2.1] Xét hình thức và nội dung của giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Phước T, Hội đồng xét xử nhận định:

Khoảng cuối năm 2020, ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Phước T thỏa thuận miệng về việc hợp tác góp vốn để đầu tư trang thiết bị, mua sắm, sửa chữa sản phẩm trưng bày, triển lãm dự kiến tổ chức tại Trung tâm H1 tại H. Thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên ông Nguyễn Thanh H đã chuyển cho ông T số tiền 80.000.000 đồng, chia thành 03 lần, trong đó có 01 lần do H1 – Khu vực miền T (*Sau đây gọi tắt là Hiệp hội*) chuyển 20.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H. Về phía ông Lê Phước T cũng đã cải tạo, trang trí địa điểm dự kiến tổ chức trưng bày sản phẩm, sửa chữa xe ô tô phục vụ trưng bày.

Như vậy, giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Phước T thuộc trường hợp “*Hợp đồng hợp tác*” theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 2 Điều 504 Bộ luật dân sự quy định: 2. *Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản*”, Do đó “*Hợp đồng hợp tác*” giữa ông H và ông T không tuân thủ hình thức “*phải được lập thành văn bản*” nên bị vô hiệu do không tuân thủ hình thức. Căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Tuy nhiên, hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức nên lỗi thuộc về cả hai bên. Vì vậy, không ai phải chịu trách nhiệm bồi thường.

[2.2] Trong quá trình hợp tác, ông H khai nhận đã chuyển cho ông T số tiền 80.000.000 đồng; ông T thừa nhận đã nhận của ông H số tiền 80.000.000 đồng nhưng trong đó có 20.000.000 đồng là tiền ông H trả nợ tiền nhờ ông T mua gỗ và trang trí gỗ tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P, thành phố H giúp cho H, còn 60.000.000 đồng dùng để sửa chữa xe ô tô dự kiến trưng bày. Đối chiếu lời khai nhận của các đương sự với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 19/01/2021 ông Nguyễn Thanh H đã nhờ kế toán H1 chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản của ông T. Số tiền này là tiền ông H tự nguyện đóng góp vào Hiệp hội nhưng sau đó Hiệp hội có chủ trương trả lại cho ông H và ông H đã yêu cầu Hiệp hội chuyển số tiền này cho ông T. Trước khi chuyển trả tiền, Hiệp hội có liên hệ với ông H để xác định lại lý do chuyển cho ông T và được ông H xác nhận là nợ ông T. Tại phiên tòa ông T khai số tiền này ông đã mua gỗ và trang trí gỗ tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P, thành phố H giúp cho H để tổ chức sự kiện, nhưng đại diện theo ủy quyền của ông H không đồng ý vì cho rằng giá trị công việc thực tế không đến 20.000.000 đồng. HĐXX phúc thẩm đã yêu cầu ông T nộp chi phí thẩm định theo đơn yêu cầu thẩm định của ông T để xác định giá trị

công việc và tài sản thực tế ông T đã thực hiện tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P, thành phố H, nhưng ông T không nộp tiền chi phí thẩm định. Do đó HĐXX không có cơ sở xác định giá trị tài sản và công việc mà ông T đã thực hiện theo yêu cầu của ông T. Quá trình giải quyết sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã đối chiếu nợ khi ông H nhờ ông T mua gỗ và trang trí để tham gia tổ chức trưng bày sản phẩm mỹ nghệ tại địa chỉ Lô A khu công nghiệp P và xác định việc chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho ông T, theo yêu cầu của ông T là không đúng. Nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông H.

Đối với khoản tiền 60.000.000 đồng mà ông H chuyển cho ông T vào các ngày 05/10/2020, 15/10/2020; ông T thừa nhận rằng đây là tiền sử dụng để sửa chữa xe ô tô nhằm trưng bày khi tổ chức sự kiện nhưng không lý giải được đã sử dụng số tiền này cụ thể như thế nào. Bên cạnh đó, theo xác minh tại chủ Garage Chiến T thì ông T có sửa chữa xe ô tô với chi phí hết 40.000.000 đồng nhưng mới thanh toán được 30.000.000 đồng, xe vẫn được quản lý tại Garage Chiến T4, không thể sử dụng hay trưng bày. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Lê Phước T phải trả lại cho ông H số tiền 60.000.000 đồng là đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H, buộc ông Lê Phước T phải trả lại cho ông H số tiền 60.000.000 đồng và không chấp nhận một phần yêu cầu của ông H đối với số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu 20.000.000 đồng không được Tòa án chấp nhận là 1.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5%).

Bị đơn ông Lê Phước T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu 60.000.000 đồng của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%).

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 116, Điều 129, Điều

131, Điều 407 và Điều 504 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H. Buộc bị đơn ông Lê Phước T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả những khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H về buộc bị đơn ông Lê Phước T phải có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng (*Hai chục triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu số 0007073 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hội An. Trả lại cho ông Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

+ Bị đơn ông Lê Phước T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007284 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*13/7/2023*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Dũng

